



kōng fáng

空房

noun · empty room; vacant room

Example Sentences

Zhè dòng lóu lǐ yǒu hěn duō kōng fáng
这栋楼里有很多空房。

There are many empty rooms in this building.

Wǒ men zhèng zài chū zū kōng fáng
我们正出租空房。

We are renting out vacant rooms.

Trace each character, then write the word on your own.

空	空	空	空	空	空	空	空	空	空	空
房	房	房	房	房	房	房	房	房	房	房